TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225 /2025/HC-PT
Ngày: 24/4/2025
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông **Trương Công Thi**
Các Thẩm phán:	Ông **Nguyễn Văn Tào**
	Ông **Nguyễn Tấn Long**

Thư ký phiên tòa:Ông **Nguyễn Thành Long** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 470/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2024/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 968/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đỗ P, sinh năm 1942 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1945. Cùng địa chỉ: Khối N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ liên hệ: Số A N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1983; Xin xét xử vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Hoài T1, sinh năm 1997; Có mặt

Cùng địa chỉ: Số A N, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh L – Phó chủ tịch UBND thành phố H. Xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Thế P1 - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H. Có mặt

+ Ông Đào Văn M - Cán bộ địa chính - Xây dựng phường M, thành phố H. Có mặt

Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 06/7/2022, ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C gửi *"Đơn yêu cầu về việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* đến Ủy ban nhân dân thành phố H yêu cầu xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P và bà C với diện tích 69,4m²; loại đất ở đô thị của thửa đất số 150, tờ bản đồ số 14 tại trục đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, sau nhiều lần liên hệ trực tiếp tại Bộ phận tiếp dân của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H, ông P và bà C đều không nhận được bất kỳ văn bản trả lời nào. Do đó, ông P, bà C gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Q đề nghị xem xét, chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố H giải quyết nội dung đơn yêu cầu của ông bà theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 06/12/2022 ông P, bà C nhận được Thông báo số 622/TB-UBND ngày 02/12/2022 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố H với nội dung như sau: *"...Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011, cơ quan chức năng nhận thấy, đơn khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì lý do sau đây: Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng"*. Ông P và bà C không đồng ý với nội dung thông báo nêu trên, bởi lẽ: UBND thành phố H không xem xét giải quyết đơn lập ngày 06/7/2022 cho vợ chồng ông P mà ban hành Thông báo không thụ lý giải quyết đơn là không đúng quy định pháp luật. Bởi hiện trạng diện tích đất này ông P và bà C vẫn đang quản lý, rào chắn và sử dụng, nay ông P, bà C có nguyện vọng được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải là thực hiện việc khiếu nại về chỉnh lý biến động như nội dung Thông báo đã nêu. Do đó, ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc giải quyết khiếu

nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết Đơn yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2022 của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C theo đúng quy định của pháp luật.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày như sau:

Ngày 07/7/2022, ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C có đơn gửi UBND Thành phố với nội dung khiếu nại việc UBND thành phố H đã chỉnh lý biến động đối với phần diện tích 69,4m² từ loại đất ở sang loại đất giao thông. Khi ông P, bà C lập hồ sơ tách thửa kèm theo cam kết mở lối đi vào năm 2011và yêu cầu UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(GCNQSDĐ)* cho gia đình ông bà đối với phần diện tích nêu trên. Lý do khiếu nại: ông P, bà C cho rằng phần diện tích đất nêu trên có nguồn gốc từ đất ở của gia đình ông bà đã được cấp GCNQSDĐ, sau khi cam kết mở lối đi với phần diện tích này thì phần diện tích này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, bà.

Ngày 02/12/2022, Chủ tịch UBND thành phố có Thông báo số 622/TB- UBND; theo đó, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011, cơ quan chức năng nhận thấy, đơn khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C không đủ điều kiện để thụ lý giải quyết vì lý do sau đây: Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng. Không đồng ý với nội dung Thông báo, ông P, bà C đã thực hiện quyền khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C (lần đầu). Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của công dân đối với Thông báo số 622/TB-UBND ngày 02/12/2022. Việc khiếu nại U, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với 69,4m² đất ở thành đất giao thông đã quá thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011, bởi lẽ: Ngày 14/12/2010, ông Đỗ Phú L1 đơn xin cam kết với nội dung: *"Gia đình tôi đang sử dụng hợp pháp thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 490,1m², loại đất ở tại đô thị. Hiện nay, tôi làm thủ tục xin tách thửa đất để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để có lối đi vào các thửa đất gia đình chúng tôi xin cam kết mở lối đi rộng 2,5m (hai phẩy năm mét) theo sơ đồ phát họa... Nếu có gì sai trái tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật"*. Ngày 21/12/2010, UBND phường M xác nhận: *"Theo đơn xin cam kết của ông Đỗ Phú V việc mở lối đi chung vào các thửa đất khi tách thửa. UBND phường M thống nhất. Kính chuyển các cơ quan chức năng xem xét giải quyết"*.

Ngày 25/01/2011, UBND thành phố cho phép hộ ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C

tách thửa đất số 150 (mới), thửa 26 (cũ), tờ bản đồ số 14 thêm 3 thửa mới: Thửa 237 diện tích 100,2m² loại đất ở tại đô thị; Thửa 238 diện tích 96m² loại đất ở đô thị; Thửa 239 diện tích 96,5m² loại đất ở đô thị. Diện tích còn lại: 197,4m² loại đất ở tại đô thị (trong đó có 69,4m² là lối đi chung theo Giấy cam kết thỏa thuận về lối đi được UBND phường M xác nhận ngày 21/12/2010). Đồng thời, cập nhật, chỉnh lý sơ đồ lối đi chung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Như vậy, ông P và bà C đã biết việc UBND thành phố H cập nhật, chỉnh lý biến động phần diện tích 69,4m² từ loại đất ở sang loại đất giao thông khi ông P, bà C lập hồ sơ tách thửa kèm theo cam kết mở lối đi chung vào năm 2011. Kể từ năm 2011 đến năm 2022, ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C không thực hiện quyền khiếu nại của mình theo đúng thời hiệu luật định là 90 ngày mà không cung cấp được hồ sơ, tài liệu, không trình bày được lý do chính đáng. Căn cứ khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011; Thông báo số 622/TB-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành đúng quy định của pháp luật và việc ông P, bà C yêu cầu thụ lý, giải quyết đơn lập ngày 06/7/2022 là không có cơ sở xem xét.

Do đó, UBND thành phố nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ P, bà Huỳnh Thị C về việc: "Huỷ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C (lần đầu); Buộc UBND Thành phố H thụ lý, giải quyết "Đơn yêu cầu về việc cấp GCNQSDĐ ngày 06/7/2022 của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C theo đúng quy định của pháp luật" là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2024/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết "Đơn yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" ngày 06/7/2022 của ông Đỗ P và bà Huỳnh

Thị C *theo đúng quy định của pháp luật.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2024, người khởi kiện ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C kháng cáo Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C cho rằng, ngày 06/7/2022 ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C có đơn gửi UBND thành phố H đề nghị cấp lại GCNQSDĐ, đến ngày 02/12/2022 UBND thành phố Hội An ban hành Thông báo số 622/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C, với lý do thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng là không đúng nội dung đơn ngày 06/7/2022 của ông P, bà C. Ông P, bà C đơn khiếu nại thì ngày 15/6/2023, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại nên ông đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023, tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã bác đơn khởi kiện của ông P, bà C là không đúng, nay ông P, bà C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông P, bà C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của của ông ông P, bà C, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo ông P, bà C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thẩm quyền, đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115 điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Kháng cáo của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C là hợp lệ, trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết, xét xử theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét nguồn gốc thửa đất liên quan yêu cầu khởi kiện của ông P, bà C, xét thấy: Ngày 11/8/2005, hộ ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 582457 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích là 1.061,8m^2, loại đất ở đô thị. Ngày 29/12/2009, hộ ông P thực hiện chỉnh lý biến động giảm thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14 từ 1.061,8m^2 thành 1.037,6m^2 loại đất ở đô thị cho đúng với thực tế sử dụng theo đơn xin chỉnh lý biến động về sử dụng đất ngày 14/12/2009, với lý do là đo đạc theo hệ tọa độ VN2000. Ngày 29/01/2010, UBND thành phố H cho phép hộ ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C tách thửa đất số 150 (26), tờ bản đồ số 14, thêm 01 thửa đất mới số 235, diện tích 547,5m^2, loại đất ở đô thị. Diện tích thửa đất số 150 (26) còn lại: 490,1m^2 loại đất ở đô thị.

Ngày 14/12/2010, ông Đỗ P tiếp tục xin tách thửa, đồng thời có Đơn xin cam kết với nội dung: "*Gia đình tôi đang sử dụng hợp pháp thửa đất số 26, tờ bản đồ số 14, diện tích 490,1m^2 loại đất ở tại đô thị. Hiện nay tôi làm thủ tục xin tách thửa đất để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để có lối đi vào các thửa đất gia đình chúng tôi xin cam kết mở lối đi rộng 2,5m (hai phẩy năm mét) theo sơ đồ phát họa…"*. Đối với Đơn xin cam kết nói trên, chỉ có mỗi ông Đỗ Phú K, bà C không ký.

Ngày 25/01/2011, UBND thành phố H cho phép hộ ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C tách thửa đất số 150(26), tờ bản đồ số 14 thêm 3 thửa đất mới: Thửa 237, diện tích 100,2m^2, loại đất ở tại đô thị; Thửa đất số 238, diện tích 96m^2, loại đất ở tại đô thị; Thửa đất 239, diện tích 96,5m^2, loại đất ở tại đô thị. Thửa đất số 150 còn lại 197,4m^2, loại đất ở đô thị *(trong đó có 69,4m^2 là lối đi chung)*. Sau khi thực hiện tách thửa, hộ ông P và bà C đã tặng cho, chuyển nhượng các thửa đất mới, riêng phần diện tích 69,4m^2 đất do hộ ông P và bà C cam kết mở lối đi chung đã được cập nhật, chỉnh lý thể hiện là lối đi chung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đỗ Phú T2 ngày 25/01/2011.

Ngày 06/7/2022, ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C gửi UBND thành phố H *"Đơn yêu cầu v/v cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 69,4m^2. Như vậy, tuy ông P có đơn xin cam kết việc sử dụng diện tích 69,4m^2 để có điều kiện tách thửa nhưng diện tích đất nói trên vẫn còn nằm trong thửa đất số 150, có diện tích còn lại 197,4m^2, của ông P, bà C, hiện ông P và bà C vẫn đang quản lý, sử dụng, do nguồn gốc đất là của ông P, bà C nên quyền sử dụng lối đi qua không thuộc phạm vi quản lý của Nhà nước, lối đi qua nói trên chỉ đặt ra đối với hộ gia đình, cá nhân sở hữu bất động sản bị vây bọc, tại Bản án sơ thẩm nhận định cho rằng "UBND thành phố H *đã chỉnh lý biến động đối*

với phần diện tích 69,4m² ***từ loại đất ở sang loại đất giao thông*** *khi ông P, bà C lập hồ sơ tách thửa kèm theo cam kết mở lối đi năm 2011"* là nhận định không chính xác.

[2.2] Xem xét Thông báo số 622/TB-UBND ngày 02/12/2022 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C; Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về giải quyết khiếu nại, Hội đồng xét xử, xét thấy: Xem xét nội dung *"Đơn yêu cầu, v/v cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* ngày 06/7/2022 *(Bút lục số 03)*, của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C, cụ thể, toàn văn Đơn yêu cầu như sau:

"Nay, chúng tôi lập đơn này kính trình UBND thành phố H xem xét và giải quyết một việc như sau:

Nguyên trước đây, vợ chồng tôi sinh sống tại tổ C, đường N, khối A, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có sử dụng thửa đất số 26 (thửa 150 mới), tờ bản đồ số 14, diện tích 1.061,8m² loại đất ONT (Đất ở đô thị) và được UBND thị xã (nay là thành phố) Hội An cấp Giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 11/8/2005.

Vì con cái đông và có nguyện vọng giải quyết phân chia đất đai cho con để sinh sống riêng nên vợ chồng tôi đã tách thửa đất số 26 (thửa 105 mới) nêu trên thêm 04 thửa mới, cụ thể như sau:

+ Ngày 30/01/2010, tách thửa đất 150 thành 02 thửa, diện tích thửa 150 còn lại 490,1m2.

+ Ngày 25/01/2011, vợ chồng tôi được cơ quan có thẩm quyền cho phép tách thửa đất 150, diện tích 490,1m² thêm 03 thửa đất mới, cụ thể là thửa 237, diện tích 100,2m² đất ở đô thị, thửa 238 điện tích 96m² loại đất ở đô thị: thửa 239 diện tích 96,5m² loại đất ở đô thị. Diện tích thửa số 150 còn lại 197,4m2 loại đất ở đô thị. Tuy nhiên, để được tách thêm các thửa 237, 238, 239 nêu trên, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu vợ chồng tôi phải lập cam kết ***"mở lối đi"*** *vào các thửa đất nêu trên và vợ chồng tôi đã lập Đơn xin cam kết được UBND phường M xác nhận vào ngày 21/12/2010.*

Trong quá trình sinh sống và sử dụng đất, vợ chồng tôi và con cái đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích các thửa đất trên cho tổ chức, cá nhân khác. Diện tích còn lại của vợ chồng tôi hiện nay là 69,4m² loại đất ở đô thị (là diện tích mà vợ chồng tôi cam kết mở lối đi vào các thửa đất này) chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý. Căn cứ vào Giấy chứng nhận số AB 582457, tại trang bổ sung số 03 thì phần diện tích này là một phần của thửa đất 150 (26 cũ), tờ bản đồ số 14, diện tích 197,4 m² loại đất ở đô thị. Nhưng khi chúng tôi thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất số 150 thì phần diện tích 69,4m² loại đất ở đô thị vẫn thuộc quyền sử dụng của vợ chồng

tôi. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, phần diện tích còn lại này vẫn chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, bằng đơn này kính đề nghị UBND thành phố xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng tôi đối với diện tích 69,4m², loại đất ở đô thị tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 14 tại trục đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trên đây là yêu cầu hợp pháp của vợ chồng chúng tôi, kính mong quý cấp lãnh đạo UBND thành phố quan tâm xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành."

Qua nội dung trên thì từ tiêu đề đến nội dung chỉ trình bày diễn biến việc sử dụng thửa đất số 26 *(nay là thửa số 150)*, tờ bản đồ số 14, quá trình chỉnh lý, phần đất còn lại của thửa đất có diện tích 69,4m^2 và yêu cầu UBND thành phố H xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là một yêu cầu trong phạm vi hoạt động hành chính thuộc thẩm quyền của UBND trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, không có bất kỳ một nội dung nào thể hiện việc khiếu nại, hoặc cho rằng các cơ quan có thẩm quyền thực hiện không đúng pháp luật. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố H nghiên cứu đơn và cho rằng **"bản chất"** nội dung đơn của ông P và bà C là ***"Đơn khiếu nại"*** đối với việc UBND thành phố H đã chỉnh lý biến động đối với phần diện tích 69,4m^2 là không chính xác, suy luận thiếu căn cứ, phân loại đơn không đúng quy định tại Điều 4; Điều 5 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ, từ đó, UBND thành phố H đã ban hành Thông báo số 622/TB-UBND ngày 02/12/2022, cho rằng ông P, bà C có "đơn khiếu nại" để trả lời ông P và bà C với lý do là thời hiệu, thời hạn giải quyết khiếu nại đã hết và áp dụng quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, quy định về thời hạn, thời hiệu, để ban hành Thông báo số 622/TB-UBND là chưa phù hợp, không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, bà C. Từ chỗ UBND thành phố H có quan điểm giữ nguyên Thông báo số 622/TB-UBND nên đã ban hành Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố H về giải quyết khiếu nại, không chấp nhận khiếu nại của ông P, bà C cũng không đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C là không đúng quy định của pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà C.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C nên Chủ tịch UBND thành phố H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên ông P, bà C không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C, sửa Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 91/2024/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam

Áp dụng Điều 107 Bộ luật dân sự, Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết "Đơn yêu cầu về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" ngày 06/7/2022 của ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Đỗ P và bà Huỳnh Thị C không phải chịu.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Quảng Nam;
- VKSND Quảng Nam;
- Cục THADS Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Công Thi